

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐST
Ngày: 21/02/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung**

2. Ông **Dương Minh Ngọc.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Dung** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Phụng**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà TTTS, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện B, tỉnh Q.

2. **Bị đơn:** Ông VHL, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Q.

Bà TTTS có mặt, VHL vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà TTTS trình bày:

Bà TTTS và VHL tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N vào năm 2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do VHL không chăm lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 6 năm 2024 đến nay, vợ chồng phân ai nấy sống, VHL vẫn ở với gia đình ông ở thôn Đ, xã T, huyện N; bà TTTS cùng các con về quê tại Quảng Ngãi. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, bà TTTS làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Núi Thành cho bà được ly hôn VHL.

Về con chung có hai con tên VHLC, sinh ngày 14/01/2012 và VKGH, sinh ngày 29/7/2018. Hiện các con đang đi học tại B, Quảng Ngãi, do bà TTTS

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, bà TTTS yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi con, không yêu cầu VHL cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông VHL không có lời khai tại hồ sơ, không có mặt tại phiên toà nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà TTTS được ly hôn VHL. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung VHLC, sinh ngày 14/01/2012 và VKGH, sinh ngày 29/7/2018 cho bà TTTS trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà TTTS có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông VHL. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì VHL có đăng ký thường trú thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Q. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: VHL là bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng VHL vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt VHL là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà TTTS và ông VHL tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành vào năm 2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà TTTS và VHL là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà TTTS là do VHL không có trách nhiệm với vợ con. Từ tháng 6/2024 đến nay vợ chồng phân ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ. VHL đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà TTTS. VHL đã được tổng đạt hợp lệ nhưng ông không đến Toà án mà không có lý do, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Điều này thể hiện ý chí của VHL không mong muốn hoà giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà TTTS và VHL đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà TTTS được ly hôn với ông VHL là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Bà TTTS và VHL có hai con tên VHLC, sinh ngày 14/01/2012 và VKGH, sinh ngày 29/7/2018. Bà TTTS yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu VHL cấp dưỡng nuôi con chung; VHL không có ý kiến trình bày về vấn đề này.

[3.4] Hội đồng xét xử xét thấy: việc giao con cho ai nuôi phải xem xét với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ, cần phải xem xét toàn diện mọi mặt để đưa ra phán quyết phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Cháu Long và cháu Hân hiện đang được bà TTTS trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các cháu có ý kiến được ở với mẹ. VHL cũng không trình bày nguyện vọng, yêu cầu của mình đối với vấn đề này. Do vậy, xét giao hai con tên VHLC, sinh ngày 14/01/2012 và VKGH, sinh ngày 29/7/2018 cho bà TTTS trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà TTTS cam đoan có đủ khả năng kinh tế nuôi con và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.6] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm:** Bà TTTS phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTTS về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” đối với bị đơn ông VHL.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà TTTS được ly hôn với ông VHL.

2. Về con chung: Giao con chung VHLC, sinh ngày 14/01/2012 và

VKGH, sinh ngày 29/7/2018 cho bà TTTS trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà TTTS phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà TTTS đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006847 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

6. Về quyền kháng cáo: Bà TTTS có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; VHL có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Thùy